TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/DS-PT
Ngày: 13/6/2018
V/v: "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các Thẩm phán: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Bà Phan Thị Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Tám** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** *bà Vũ Thị Hồng Uyên*- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do bản án sơ thẩm số 01/2018/-DSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện X4 bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2018/QĐ-PT ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số X1, ấp, xã X3, huyện X4, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp X5, xã X6, huyện X4, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2015)

+ Bị đơn: vợ chồng anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1981 và chị **Tô Ngọc Mộng L**, sinh năm 1982.

Cùng cư trú tại địa chỉ: số X7, ấp X2, xã X3, huyện X4, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư V– Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Đặng Thị Mộng T1**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số X1, ấp X2, xã X3, huyện X4, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: ấp X2, xã X3, huyện X4, tỉnh Đồng Nai.

(Anh S, anh N, chị T1, anh H, chị L có mặt; bà T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N do anh Đỗ Văn S đại diện theo ủy quyền và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Mộng T1 trình bày:

Vợ chồng anh N, chị T1 là chủ sở hữu căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 124m^2 tại ấp X2, xã X3, huyện X4, tỉnh Đồng Nai; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ523248 ngày 14/4/2004. Căn nhà này do vợ chồng anh N xây dựng vào năm 2002, diện tích khoảng 72m^2, tường gạch, mái tôn, chi phí xây dựng khoảng 150.000.000 đồng. Đến năm 2010, vợ chồng anh N tiếp tục xây dựng phần sau của căn nhà, diện tích 52m^2, chi phí xây dựng khoảng 230.000.000 đồng. Tổng hai lần xây dựng căn nhà, chi phí là 380.000.000 đồng.

Tháng 7/2014, vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L (sau đây viết tắt là vợ chồng anh H) xây dựng nhà mới liền kề với đất của anh N. Trong quá trình thi công nhà của vợ chồng anh H, do đào đất để làm móng quá sâu nên ảnh hưởng đến nhà anh N, làm căn nhà của anh có dấu hiệu rạn nứt, sụt lún. Trước sự việc trên, anh N qua trao đổi với anh H và mẹ anh H là bà Nguyễn Thị T2 yêu cầu ngừng thi công nhưng anh H không đồng ý. Anh H có hứa cho thợ qua sửa chữa nhà của anh N nhưng anh H không thực hiện. Vì vậy căn nhà của vợ chồng anh N bị lún nứt trầm trọng và không thể sử dụng được mà phải đập bỏ để xây mới.

Từ lúc căn nhà bị lún, nứt, vợ chồng anh N không thể tiếp tục sống trong căn nhà nêu trên mà phải chuyển ra ở trọ từ ngày 05/4/2015 cho đến tháng 11/2016.

Anh N xác định nguyên nhân dẫn đến căn nhà anh chị bị lún, nứt nghiêm trọng, không còn sử dụng được là do vợ chồng anh H xây dựng nhà liền kề làm ảnh hưởng. Vì vậy anh N yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng anh H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh chị. Theo đơn khởi kiện anh N yêu cầu vợ chồng anh H bồi thường do căn nhà bị thiệt hại là 200.000.000 đồng, tiền thuê nhà trọ để ở từ ngày 05/4/2015 đến ngày 05/11/2016 là 19 tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, tổng cộng tiền thuê nhà trọ là 28.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo Báo cáo kết quả giám định của Công ty Cổ phần giám định Nam Việt (viết tắt là Navicontrol) thì thiệt hại chỉ có 104.383.000 đồng, do vậy anh N xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường nhà là 95.617.000 đồng, anh chỉ yêu cầu vợ chồng anh H bồi thường do căn nhà bị thiệt hại là 104.383.000 đồng

và 28.500.000 đồng tiền thuê nhà trọ, tổng cộng: 132.883.000 đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L do chị L làm đại diện trình bày:

Vợ chồng chị đang sử dụng phần đất và nhà giáp ranh với đất của vợ chồng anh N, chị T1, được phân ranh rõ ràng bằng tường rào do gia đình chị xây dựng. Từ tường rào vào nhà anh N có khoảng cách 01m, dài 13m, còn phần nhà chữ L phía sau nhà anh N xây thêm thì sát tường nhà của chị.

Khoảng tháng 7/2014, vợ chồng chị có xây dựng 01 căn nhà diện tích rộng 05m, dài 15m, kết cấu 01 trệt, 01 lầu nằm (đất của mẹ anh H tên Nguyễn Thị T2 cho vợ chồng chị). Khi xây dựng, vợ chồng chị có giấy phép xây dựng số 143/GPXD ngày 21/7/2014 do UBND huyện X4 cấp và có bản vẽ thiết kế. Sau khi được cấp phép, vợ chồng chị mới tiến hành xây dựng nhà và xây đúng diện tích đất của anh chị, không lấn đất anh N, trong thời gian xây dựng 03 tháng không có ảnh hưởng đến kết cấu nhà của anh N.

Trong quá trình vợ chồng chị xây nhà, anh N qua nói cửa nhà anh bị xệ xuống, vợ chồng chị có nói để cho người qua sửa nhưng anh N nói để ra giêng rồi sửa luôn nên vợ chồng chị không sửa nữa. Hiện nay phần phía sau căn nhà của chị cũng bị rạn nứt, do phần nhà được xây dựng nằm trên phần con rạch trước đó nên đất yếu.

Theo chị L, nguyên nhân dẫn đến căn nhà anh N bị rạn nứt, sụt lún có thể do ảnh hưởng từ việc gia đình chị xây nhà, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do phần đất phía sau nhà anh N trước đây là con rạch, hiện nay đã bị người dân san lấp và đặt cống để thoát nước. Mặt khác, nhà của anh N đã được xây dựng cách đây đã lâu, hai căn nhà được xây cất vào hai thời điểm khác nhau, phần nhà cất thêm vào năm 2010 được xây cất trên con rạch trước đây nên bị sụt lún, do đó kéo theo căn nhà phía trước cũng bị xé ra. Vì vậy anh N yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 104.383.000 đồng để anh N khắc phục, sửa chữa nhà thì vợ chồng chị không đồng ý, vì vợ chồng chị không có lỗi.Vợ chồng chị đồng ý hỗ trợ cho anh N số tiền 50.000.000 đồng để sửa chữa nhà.

Vợ chồng chị không đồng ý bồi thường tiền thuê nhà trọ là 28.500.000 đồng. Vì vợ chồng anh N có thuê nhà trọ nhưng chỉ thuê một khoảng thời gian ngắn, và do vợ chồng anh N tự ý thuê để ở thì phải tự trả tiền thuê, vợ chồng chị không chịu trách nhiệm vấn đề này.

Tại bản lấy lời khai ngày 04/5/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Văn H. Đối với diện tích đất vợ chồng anh H đang sử dụng có nguồn gốc là của bà. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 869753 ngày 27/3/2007 do bà (T2) đứng tên, bà đã cho lại vợ chồng anh H vào năm 2005 nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền vào thời điểm xây dựng nhà, do đó giấy phép xây dựng và bản vẽ thiết kế đều do bà đứng tên nhưng thực tế nhà là của vợ chồng anh H xây dựng. Ngày 03/3/2016, Bà đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên anh H đứng tên giấy chứng nhận. Vì vậy đối

với vụ án này bà không còn liên quan gì nên đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện X4 căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 604, 608, 627, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm". Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Tô Ngọc Mộng L phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn N, chị Đặng Thị Mộng T1 số tiền khắc phục sửa chữa căn nhà bị thiệt hại là 104.383.000 đồng và 28.500.000 đồng tiền thuê nhà trọ để ở. Tổng cộng: 132.883.000 đồng.

+ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 95.617.000 đồng của anh N, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

+ *Về án phí:* Anh H, chị L phải chịu 6.644.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí đo đạc, thẩm định, giám định: Anh H, chị L phải chịu 38.117.000 đồng chi phí đo đạc, thẩm định, giám định.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án.

- Ngày 05/12/2018, anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm số tiền mà vợ chồng anh chị phải bồi thường cho vợ chồng anh N**.**

Tại phiên tòa, anh H, chị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

-Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu:

Việc xây dựng nhà của anh H, chị L là có thật, nhưng xây cách tường nhà anh N 01 mét. Do địa chất tại khu vực đó nên việc xây nhà của anh H, chị L có ảnh hưởng một phần, tỷ lệ khoảng 60% đến nhà của anh N chứ không phải ảnh hưởng 70% như giám định. Đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý các vấn đề sau: Anh N xây nhà không có thiết kế, xây thời gian đã lâu. Nhà sau xây cách nhà trước 8 năm nên việc phân bố trọng lượng không đều, xây trên nền đất yếu nên nhà dễ bị sụt, lún. Việc kết luận của cơ quan giám định trên cơ sở suy luận chứ không có căn cứ. Căn nhà của anh N chỉ còn giá trị sử dụng khoảng 60%, nên tính lỗi của mỗi bên là 50%. Ngoài ra cần xem xét việc xây dựng bằng vật liệu gì và là bao nhiêu tiền để tính toán cho phù hợp. Từ lý do trên, nên nhà của anh N thiệt hại chỉ là 60%, mỗi bên đều có lỗi nên phải chịu 30%. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần chi phí tố tụng và án phí thì phía bị đơn cũng phải tính theo tỷ lệ 7/3 mới đúng. Mặt khác, theo ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân huyện X4 tại phiên tòa sơ thẩm, cần phải đưa bên thiết kế vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan để xét yếu tố lỗi nhằm có cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứ hồ sơ và kháng cáo của anh H chị L nhận thấy: Tại hồ sơ giám định đã xác định rõ nguyên nhân nhà của anh N bị sụt, lún là do một phần lỗi của anh H, chị L khi đào móng và xây mới căn nhà. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H, chị L phải bồi thường thiệt hại 70% với số tiền 104.383.000 đồng là có cơ sở.

Số tiền thuê nhà nguyên đơn yêu cầu 28.500.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, bị đơn chỉ phải chịu 70% lỗi do mình gây ra, vì vậy bị đơn phải chịu 70% tiền thuê nhà là 19.950.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh H, chị L phải bồi thường cho anh N là 124.333.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: anh H, chị L phải chịu 70% trên tổng số tiền 38.117.000 đồng là 26.682.000 đồng. Do vậy kháng cáo của anh H, chị L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu vợ chồng Anh H bồi thường do việc xây nhà làm ảnh hưởng đến nhà của anh, do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"

- Đối với bà Nguyễn Thị T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xử vắng mặt bà T2.

[2]. Xét kháng cáo của vợ chồng anh H, chị L về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm số tiền mà anh chị phải bồi thường cho anh N.

- Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng anh H thừa nhận: khi xây nhà, vợ chồng anh H không ký hợp đồng thi công với bên thi công, không có cam kết hay thỏa thuận khác về bồi thường thiệt hại nếu có xảy ra, vì vậy trách nhiệm thuộc về vợ chồng anh H và chị L. Vợ chồng anh H cũng thừa nhận việc anh chị xây nhà có làm ảnh hưởng đến căn nhà của anh N, dẫn đến việc nhà của anh N bị nứt, lún và nghiêng sang phía bên nhà vợ chồng anh H. Tuy vậy, vợ chồng anh H cho rằng mình chỉ có một phần lỗi nên không đồng ý bồi thường số tiền 132.883.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Tại bản kết luận giám định của Công ty Navicontrol (BL124 – 367) đã mô tả, phân tích đầy đủ hiện trạng, nguyên nhân lún, nứt căn nhà; mức

độ ảnh hưởng và tổn thất của căn nhà anh N là 70%. Toàn bộ chi phí cần thiết để khắc phục hậu quả là 149.119.000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng anh H bồi thường cho anh N số tiền 104.383.000 đồng (149.119.000 đ x 70%) để khắc phục sửa chữa thiệt hại là có căn cứ; kháng cáo của vợ chồng anh H về khoản tiền thiệt hại căn nhà không có cơ sở nên không được xem xét chấp nhận

- Đối với số tiền 28.500.000 đồng anh N thuê nhà trọ để ở từ ngày 05/4/2015 đến ngày 05/11/2016 thấy rằng: Do căn nhà bị lún, nứt và nghiêng nên việc anh N đi thuê nhà cho gia đình ở là có thật. Tổng số tiền anh N đã thuê nhà là 28.500.000 đồng, vợ chồng anh H cho rằng anh N chỉ thuê nhà trong thời gian ngắn là không có cơ sở. Tuy nhiên, như trên đã nhận định, vợ chồng anh H có 70% lỗi trong việc gây nên bị sụt, lún, nghiêng nhà của anh N, do vậy phải chịu 70% trên tổng số tiền 28.500.000 đồng mà anh N đã thuê nhà. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng anh H phải bồi thường toàn bộ số tiền 28.500.000 đồng là không phù hợp. Vì vậy số tiền vợ chồng anh H phải bồi thường cho anh N là 19.950.000 đồng (28.500.000 đồng x 70%); không chấp nhận một phần yêu cầu của anh N đối với số tiền thuê nhà trọ là 8.550.000 đồng (28.500.000 đồng - 19.950.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền thiệt hại về nhà và tiền thuê nhà mà vợ chồng anh H phải bồi thường cho anh N là 124.333.000 đồng (104.383.000 + 19.950.000 đồng).

[3]. Về án phí*:*

+Án phí sơ thẩm:

- Anh H, chị L phải chịu 5% án phí trên tổng số tiền phải bồi thường cho anh N. Cụ thể là 5% x 124.333.000 đồng = 6.216.000 đồng.

- Anh N phải chịu 5% án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Cụ thể là 8.550.000 đồng x 5% = 427.500 đồng, được khấu trừ số tiền 5.712.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp, anh N được nhận lại 5.285.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

+ *Án phí phúc thẩm:* kháng cáo của anh H, chị L được chấp nhận nên anh chị không phải chịu án phí phúc thẩm; anh H chị L được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Tại cấp sơ thẩm, anh N đã nộp tạm ứng số tiền 38.117.000 đồng chi phí đo đạc, thẩm định, giám định. Do phía bên bị đơn chỉ có 70% lỗi gây ra thiệt hại, nên anh H, chị L phải chịu 70% chi phí giám định; anh N phải chịu 30% chi phí còn lại. Cụ thể: anh H, chị L phải thanh toán lại cho anh N số tiền 26.680.000 đồng (38.117.000 đồng x 70%) chi phí tố tụng; số tiền còn lại 11.437.000 đồng anh N phải chịu.

- Về cách tuyên án: trong vụ án này, chỉ có anh N là người đứng đơn khởi kiện, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn bồi thường cho anh N, chị T1 là chưa chính xác cần rút kinh nghiệm.

[5]. Xét ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị đơn:

Ý kiến của Luật sư cho rằng mỗi bên phải chịu 50% trên tổng thiệt hại 60% của căn nhà là không có cơ sở nên không được xem xét chấp nhận. Đối với yêu cầu về việc xem xét tính lỗi đối với số tiền chi phí thuê phòng trọ, chi phí tố tụng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 604, 608, 627, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm.

+ Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Văn N, buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 124.333.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 95.617.000 đồng của anh Nguyễn Văn N.

3. Về án phí, chi phí tố tụng*:*

+Án phí sơ thẩm

- Anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L phải chịu số tiền 6.216.000 đồng (sáu triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn N phải chịu số tiền 427.500 đồng (bốn trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 5.712.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009665 ngày 17/4/2015, và số 001794 ngày 22/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X4, anh N được nhận lại số tiền 5.285.000 đồng (năm triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí.

+Án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L không phải chịu án phí phúc thẩm; anh H và chị L được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007846 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X4.

+ *Chi phí tố tụng*: anh Nguyễn Văn H và chị Tô Ngọc Mộng L phải chịu tiền chi phí tố tụng là 26.680.000 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng), anh Nguyễn Văn N được nhận số tiền này.

4**.** Nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện X4;
- Chi cục THA huyện X4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Kim Rết